

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 24



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009.

### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập theo Quyết định của ủy ban chứng khoán nhà nước số 28/UBCK-GP cấp ngày 25/01/2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 02, Tòa nhà Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, Số 141, Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2009, tổng số vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là 25 tỷ VND chia thành 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập đã góp vốn mua cổ phần của Công ty theo nội dung chi tiết dưới đây:

<b>Cổ đông</b>	<b>Cổ phần</b>		<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
	<b>Số lượng</b>	<b>VND</b>	
- Ông Nguyễn Hà Trung	800.000	8.000.000.000	32%
- Ông Phạm Sĩ Hải	450.000	4.500.000.000	18%
- Ông Lê Thành Công	300.000	3.000.000.000	12%
- Bà Nguyễn Thị Hào	250.000	2.500.000.000	10%
- Bà Lưu Thị Việt Hồng	225.000	2.250.000.000	9%
- Bà Nguyễn Thị Hải Yến	175.000	1.750.000.000	7%
- Bà Phạm Thu Trang	62.500	625.000.000	2,5%
- Bà Nguyễn Hương Lan	62.500	625.000.000	2,5%
- Công ty Cổ phần Nhất Vinh	175.000	1.750.000.000	7%
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>100,0%</b>

### **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 24 kèm theo.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KÊ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Sĩ Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vinh Sơn	Ủy viên
Bà Lưu Thị Việt Hồng	Ủy viên
Ông Lê Thành Công	Ủy viên
Ông Nguyễn Hà Trung	Ủy viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hào	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Hương Lan	Kiểm soát viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Sĩ Hải	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hà Trung	Kế toán trưởng - Bổ nhiệm ngày 01/04/2009
Ông Lê Thành Công	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 31/03/2009

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Ban Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc thiết lập các cơ chế kiểm soát các giao dịch với các bên liên quan, đảm bảo tính khách quan cũng như tính tương xứng giữa quyền và lợi ích của Công ty trong các giao dịch này. Báo cáo tài chính của Công ty phải trình bày đầy đủ số liệu và thông tin về quan hệ tài sản, công nợ tại ngày lập báo cáo, cũng như các giao dịch với các bên liên quan diễn ra trong kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  


**Phạm Sĩ Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010



Số: 76 /2010/UHY - BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009*

**Kính gửi:** **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cũng như Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 04 tháng 03 năm 2010 trình bày từ trang 7 đến trang 24, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

***Tuy nhiên công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau:***

### **Hạn chế do phạm vi công việc bị giới hạn:**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.5, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chúng tôi không thu thập được các thông tin cần thiết liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt. Do đó, Chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá giá trị hợp lý của số chứng khoán này và mức độ giảm giá có thể phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong trường hợp thu thập được đầy đủ thông tin liên quan đến hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Phạm Thị Hồng Liên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1131/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY  
Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010

**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.894.107.089</b>	<b>19.704.332.684</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>20.414.666.513</b>	<b>19.025.453.639</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		171.823.856 ✓	385.349.320
2. Tiền gửi ngân hàng	112		10.892.842.657 ✓	610.104.319
3. Tiền đang chuyển	113		-	-
4. Tương đương tiền	114		9.350.000.000 ✓	18.030.000.000
<b>II. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>1.420.690.054</b>	<b>659.190.571</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		9.470.204 70%	109.528.839
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		16.631.454 ✓	-
4. Phải thu khác	134	4.2	1.394.588.396	549.661.732
<b>V. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>58.750.522</b>	<b>19.688.474</b>
2. Tài sản lưu động khác	152		58.750.522	19.688.474
<b>B - TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>22.330.625.273</b>	<b>8.560.519.086</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>751.352.373</b>	<b>896.091.562</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	4.3	684.646.622	896.091.562
- Nguyên giá	212		996.486.097	1.024.559.097
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(311.839.475)	(128.467.535)
3. Tài sản cố định vô hình	217	4.4	66.705.751	-
- Nguyên giá	218		100.058.635	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(33.352.884)	-
<b>II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác</b>	<b>230</b>		<b>12.513.906.000</b>	<b>7.267.081.900</b>
1. Đầu tư chứng khoán	231	4.5	12.513.906.000	7.267.081.900
2. Đầu tư dài hạn khác	232		-	-
<b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>250</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.065.366.900</b>	<b>397.345.624</b>
1. Chi phí trả trước	261	4.6	245.366.900	397.345.624
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262	4.7	8.820.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44.224.732.362</b>	<b>28.264.851.770</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>4.8</b>	<b>19.143.236.857</b>	<b>3.225.129.779</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>207.503.566</b>	<b>1.225.129.779</b>
2. Phải trả người bán	312		167.000.000 ✓	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		38.444.596	23.629.779
5. Chi phí phải trả	315		-	1.500.000
7. Phải trả, phải nộp khác	317		2.058.970 ✓	1.200.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>18.935.733.291</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		3.483.120	-
3. Phải trả người ủy thác đầu tư	343		18.932.250.171	2.000.000.000
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>25.081.495.505</b>	<b>25.039.721.991</b>
<b>I. Nguồn vốn</b>	<b>410</b>	<b>4.9</b>	<b>25.081.495.505</b>	<b>25.039.721.991</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		81.495.505	39.721.991
<b>II - Quỹ</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>44.224.732.362</b>	<b>28.264.851.770</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
Chứng khoán theo mệnh giá	005	300.000.000	2.035.000.000



**Phạm Sĩ Hải**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010

**Nguyễn Hà Trung**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	5.1	26.982.095	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần	10	5.1	26.982.095	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		26.982.095	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	5.2	2.278.478.126	4.005.418.378
7. Chi phí tài chính	14	5.3	-	2.198.295.026
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	5.4	2.245.918.603	1.757.578.920
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16		59.541.618	49.544.432
10. Thu nhập khác	17		2.516.000	5.625.000
11. Chi phí khác	18		11.423.056	-
12. Lợi nhuận khác	19		(8.907.056)	5.625.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20		50.634.562	55.169.432
14. Thuế TNDN phải nộp	21		8.861.048	15.447.441
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	22		41.773.514	39.721.991



Phạm Sĩ Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010

Nguyễn Hà Trung  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
- Tiền thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	01	16.577.135.843	2.000.000.000
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	264.100.000	864.773.039
- Trả lãi tiền vay	07	(100.000.000)	-
- Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08	(151.406.359)	(85.916.814)
- Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09	(840.009.962)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(1.163.083.979)	(2.374.143.590)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>14.586.735.543</b>	<b>404.712.635</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
- Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	31	-	(1.129.158.332)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32	2.516.000	-
- Tiền đầu tư chứng khoán	33	(35.948.084.899)	(14.686.776.835)
- Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	21.314.064.090	7.517.270.000
- Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	35	-	(4.000.000.000)
- Tiền thu hồi vốn góp đầu tư vào đơn vị khác	36	-	4.000.000.000
- Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37	1.433.982.140	1.919.406.171
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>40</b>	<b>(13.197.522.669)</b>	<b>(6.379.258.996)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	41	-	25.000.000.000
- Tiền đi vay	43	3.528.980.475	-
- Tiền trả nợ vay	44	(3.528.980.475)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>-</b>	<b>25.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.389.212.874</b>	<b>19.025.453.639</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	70	19.025.453.639	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>90</b>	<b>20.414.666.513</b>	<b>19.025.453.639</b>



**Phạm Sĩ Hải**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010

**Nguyễn Hà Trung**  
Kế toán trưởng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập theo Quyết định của ủy ban chứng khoán nhà nước số 28/UBCK-GP cấp ngày 25/01/2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 02, Tòa nhà Tổng Công ty Tài Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, Số 141, Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2009, tổng số vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là 25 tỷ VND chia thành 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập góp vốn mua cổ phần của Công ty và đến ngày 31/12/2009 đã hoàn thành 100%. Chi tiết xem tại thuyết minh 4.8.

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### **2.2 Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

### **3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng và tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành và có hiệu lực cho kỳ kế toán năm 2008 và các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## **3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### **3.4 Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính. Đối với các chứng khoán không niêm yết, Công ty dựa vào giá giao dịch thực tế công khai hoặc dựa trên những phân tích thị trường và các nguồn thông tin liên quan để ước tính giá trị thuần của các khoản đầu tư này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

### **3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

### **3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách chắc chắn rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp)

Giá trị hao mòn của tài sản cố định hữu hình được xác định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
- Phương tiện vận tải	7 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm

### 3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các loại công cụ, dụng cụ phân bổ dần, các khoản chi phí trước hoạt động phục vụ cho việc thành lập doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước có tác dụng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, phù hợp với thời gian tham gia vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu, nhưng không quá 03 năm.

### 3.8 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm Công ty trích vào chi phí kinh doanh hàng năm trên cơ sở 1% quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội phù hợp theo hướng dẫn tại thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm. Khi số dư quỹ dự phòng vượt quá 03 lần quỹ lương tháng của toàn Công ty thì dừng trích dự phòng cho đến khi chưa đủ thì tiếp tục trích bổ sung quỹ. Chênh lệch giữa chi phí thực tế và quỹ trích lập được ghi nhận trực tiếp vào kỳ phát sinh.

### 3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

#### *Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ký kết, các điều khoản của hợp đồng được các bên thực hiện và nhà ủy thác đầu tư thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 Ghi nhận doanh thu (tiếp)**

Doanh thu ủy thác đầu tư được ghi nhận khi hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng ủy thác được cam kết thực hiện, bên nhận ủy thác thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

***Doanh thu tài chính***

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được bằng chứng về giao dịch chứng khoán thành công và được phản ánh theo giá trị thu về tăng thêm so với giá vốn của chứng khoán đầu tư đem bán.

**3.10 Thuế và các khoản thanh toán ngân sách**

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20/10/2004 về việc hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán, thì các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.11 Bên liên quan**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết về các quyết định đối với chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 01/01/2009 VND	Phát sinh tăng trong năm VND	Phát sinh giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	385.349.320	16.894.246.602	17.107.772.066	171.823.856
Tiền gửi ngân hàng	610.104.319	95.836.311.604	90.568.853.437	5.877.562.486
Tiền gửi của nhà ủy thác đầu tư	-	41.133.306.275	36.118.026.104	5.015.280.171
Các khoản tương đương tiền (*)	18.030.000.000	79.230.000.000	87.910.000.000	9.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.025.453.639</b>	<b>233.093.864.481</b>	<b>231.704.651.607</b>	<b>20.414.666.513</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đáo hạn trước 31/03/2010.

**4.2 Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Phải thu khoản phí quản lý - Công ty CP Phần mềm Việt	1.213.897.010	-
Tiền đặt cọc thuê nhà 3 tháng - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	105.446.192	105.445.692
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	38.393.111	98.156.164
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Ngoại Quốc Doanh Việt Nam	36.852.083	-
Phải thu lãi khoản đầu tư - Công ty CP Phần mềm Việt	-	346.059.876
<b>Cộng</b>	<b>1.394.588.396</b>	<b>549.661.732</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.3 Tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2009	278.688.297	745.870.800	1.024.559.097
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(28.073.000)	-	(28.073.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(24.190.000)	-	(24.190.000)
- Giảm khác	(3.883.000)	-	(3.883.000)
Tại ngày 31/12/2009	<u>250.615.297</u>	<u>745.870.800</u>	<u>996.486.097</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2009	(39.673.392)	(88.794.143)	(128.467.535)
Trích khấu hao trong năm	(89.585.916)	(106.552.968)	(196.138.884)
Giảm trong kỳ	12.766.944	-	12.766.944
- Thanh lý, nhượng bán	12.766.944	-	12.766.944
Tại ngày 31/12/2009	<u>(116.492.364)</u>	<u>(195.347.111)</u>	<u>(311.839.475)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2009	<u>239.014.905</u>	<u>657.076.657</u>	<u>896.091.562</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>134.122.933</u>	<u>550.523.689</u>	<u>684.646.622</u>

**4.4 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2009 là Phần mềm kế toán có nguyên giá là 100.058.635 đồng và giá trị hao mòn lũy kế là 33.352.884 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.5 Đầu tư chứng khoán**

Chi tiêu	Giá trị tại	Mua		Bán		Giá trị tại
	01/01/2009	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND	31/12/2009
<b>1. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>5.273.296.000</b>	<b>409.000</b>	<b>4.090.000.000</b>	-	-	<b>9.363.296.000</b>
- Cổ phiếu	5.273.296.000	409.000	4.090.000.000	-	-	9.363.296.000
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tri Việt (1)	-	1.500	1.163.640.000	-	-	1.163.640.000
+ Công ty CP Phần mềm Việt Quốc tế (2)	5.273.296.000	-	-	-	-	5.273.296.000
+ Công ty CP Công nghệ hạ tầng (3)	-	409.000	4.090.000.000	-	-	4.090.000.000
- Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Chứng khoán khác	-	-	-	-	-	-

(1) Đây là khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP tư vấn và đầu tư Tri Việt theo hợp đồng mua cổ phần ngày 01/12/2009 và theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ Đông Công ty CP tư vấn và đầu tư Tri Việt ngày 05/12/2009. Theo đó, Công ty CP quản lý Quỹ Việt Cát đã mua cổ phần do Công ty CP tư vấn và đầu tư Tri Việt phát hành với số lượng là 1.500 cổ phần, mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phần với tổng giá mua là 1.163.640.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

Tại ngày 31/12/2009, Công ty đánh giá cổ phiếu trên không có dấu hiệu suy giảm giá trị.

(2) Đây là khoản đầu tư cổ phiếu có thời hạn vào Công ty CP Phần mềm Việt Quốc Tế theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty CP Phần Mềm Việt số 01R/2008/VFC-DT ngày 05/06/2008 và phụ lục số 01 ký ngày 06/10/2009. Theo đó, Công ty mua cổ phiếu do Công ty CP phần mềm Việt Quốc Tế phát hành của Công ty CP Phần Mềm Việt với số lượng là 130.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, giá chuyển nhượng là 40.563 đồng/cổ phần tương ứng với tổng số tiền là 5.273.296.000 đồng. Đến ngày 31/12/2010 Công ty CP Phần Mềm Việt sẽ mua lại toàn bộ số lượng cổ phiếu trên cho Công ty CP quản lý Quỹ Việt Cát với giá trị tương đương, Công ty CP Phần Mềm Việt có nghĩa vụ thanh toán Phi giao dịch, phí quản lý cho Công ty cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát.

(3) Đây là khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP công nghệ hạ tầng E-RRP-VN theo Hợp đồng Quản lý danh mục đầu tư số 07/VFC/2009/HDQLDMDT ngày 01/12/2009 của nhà ủy thác đầu tư Công ty TNHH tư vấn đào tạo Thành Đạt. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Công ty CP công nghệ hạ tầng E-RRP-VN phát hành với số lượng là 409.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần với tổng giá mua là 4.090.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp)**

Chỉ tiêu	Giá trị tại 01/01/2009		Mua		Bán		Giá trị tại 31/12/2009
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND	
<b>2. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>50.100</b>	<b>1.993.785.900</b>	<b>3.317.318.525</b>	<b>93.600</b>	<b>3.324.134.425</b>	<b>1.986.970.000</b>	
- Cổ phiếu							
+ Ngân hàng Á Châu (ACB) (4)	50.100	1.993.785.900	3.317.318.525	93.600	3.324.134.425	1.986.970.000	
+ Công ty CP đầu tư KD nhà (ITC) (4)	25.100	1.209.161.025	1.209.161.025	83.600	2.480.366.925	722.580.000	
+ Tổng Công ty Khoan và DV Khoan dầu khí (PVD) (4)	20.000	1.687.527.500	1.687.527.500	10.000	843.767.500	843.760.000	
+ Công ty CP Bê tông Biên Hòa (BHC)	5.000	420.630.000	420.630.000	-	-	420.630.000	
+ Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (BVS)	30.000	560.840.000	560.840.000	30.000	560.840.000	-	
+ Công ty CP Nông sản Bắc Ninh (DBC)	50.000	2.825.992.640	2.825.992.640	50.000	2.825.992.640	-	
+ Công ty CP Đại Châu (DCS)	10.000	400.600.000	400.600.000	10.000	400.600.000	-	
+ Công ty CP Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy Sơn Bến Tre (FPT)	19.000	199.799.250	199.799.250	19.000	199.799.250	-	
+ Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài (ILC)	5.000	408.111.250	408.111.250	5.000	408.111.250	-	
+ Công ty CP Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM)	99.500	2.444.359.050	2.444.359.050	99.500	2.444.359.050	-	
+ Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN)	20.090	313.654.778	313.654.778	20.090	313.654.778	-	
+ Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu Khí (PET)	30.000	1.240.858.500	1.240.858.500	30.000	1.240.858.500	-	
+ Công ty CP Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí (PVC)	15.000	352.027.250	352.027.250	15.000	352.027.250	-	
+ Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PVS)	5.000	174.761.750	174.761.750	5.000	174.761.750	-	
+ Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	45.000	1.805.704.500	1.805.704.500	45.000	1.805.704.500	-	
+ Công ty CP Sông Đà 6 (SD6)	19.900	392.618.045	392.618.045	19.900	392.618.045	-	
+ Công ty CP Sông Đà 7 (SD7)	41.050	1.895.098.390	1.895.098.390	41.050	1.895.098.390	-	
+ Công ty CP cung ứng nhiên lực quốc tế và TM Sông Đà (SDA)	10.000	321.481.500	321.481.500	10.000	321.481.500	-	
+ Công ty CP Sông Đà 10 (SD10)	20.000	969.452.000	969.452.000	20.000	969.452.000	-	
+ Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	10.000	478.719.000	478.719.000	10.000	478.719.000	-	
+ Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)	2.000	79.609.235	79.609.235	2.000	79.609.235	-	
+ Công ty CP Xây dựng số 1 (VCI)	21.100	530.518.586	530.518.586	21.100	530.518.586	-	
+ Tổng Công ty CP Xi măng Nhiệt đới và Xây dựng Việt Nam (VCG)	5.000	87.631.250	87.631.250	5.000	87.631.250	-	
	30.200	2.126.785.400	2.126.785.400	30.200	2.126.785.400	-	
	10.000	343.514.500	343.514.500	10.000	343.514.500	-	
<b>3. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn</b>	-	-	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>459.100</b>	<b>7.267.081.900</b>	<b>7.407.318.525</b>	<b>93.600</b>	<b>3.324.134.425</b>	<b>11.350.266.000</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp)**

(4) Cổ phiếu này thuộc các loại cổ phiếu trong danh mục đầu tư của Ngân hàng TMCP Liên Việt, toàn bộ đã được giao dịch và khớp lệnh vào ngày 29/12 và ngày 30/12. Kết quả giao dịch được thực hiện thanh toán bù trừ vào tài khoản nhà đầu tư ủy thác tại ngày T+3 theo quy định.

**4.6 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Chi phí trước hoạt động	228.745.900	380.158.624
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	9.543.000	17.187.000
Chi phí công cụ dụng cụ trả trước	7.078.000	-
<b>Cộng</b>	<b>245.366.900</b>	<b>397.345.624</b>

**4.7 Các khoản ký quỹ, ký cược**

Giá trị khoản ký quỹ ký cược tại ngày 31/12/2009 là khoản đặt cọc mua 360.000 cổ phần giá đặt cọc là 24.500 đồng/cổ phần của Công ty cổ phần Archi Reenco Hòa Bình với tổng số tiền là 8.820.000.000 đồng. Trong đó Công ty cổ phần quản lý quỹ Việt Cát đặt cọc mua 40.000 cổ phần với tổng số tiền là 980.000.000 đồng. Còn lại 320.000 cổ phần với tổng số tiền là 7.840.000.000 đồng đặt mua theo ủy quyền của các nhà ủy thác Đầu tư ký hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Xem tại thuyết minh số 4.8.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.8 Các khoản phải trả**

CHỈ TIÊU	Tại ngày 01/01/2009		Phát sinh trong năm		Tại ngày 31/12/2009		Số tiền tranh chấp mất khả năng thanh toán
	Tổng VND	Trong đó số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng VND	Trong đó số quá hạn VND	
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.225.129.779</b>	-	<b>1.397.893.164</b>	<b>2.415.519.377</b>	<b>207.503.566</b>	-	-
- Phải trả cho người bán	-	-	307.515.808	140.515.808	167.000.000	-	-
- Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	23.629.779	-	70.405.251	55.590.434	38.444.596	-	-
- Phải trả nhân viên	-	-	922.092.885	922.092.885	-	-	-
- Chi phí phải trả	1.500.000	-	-	1.500.000	-	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	1.200.000.000	-	97.879.220	1.295.820.250	2.058.970	-	-
<b>II - Nợ dài hạn khác</b>	<b>2.000.000.000</b>	-	<b>19.917.515.236</b>	<b>2.981.781.945</b>	<b>18.935.733.291</b>	-	-
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	3.483.120	-	3.483.120	-	-
- Phải trả nhà ủy thác đầu tư	2.000.000.000	-	19.914.032.116	2.981.781.945	18.932.250.171	-	-
+ Công ty TNHH tư vấn Thành Đạt (1)	2.000.000.000	-	7.025.427.208	2.303.106.336	6.722.320.872	-	-
+ Ngân hàng TMCP Liên Việt (2)	-	-	7.290.539.982	678.655.809	6.611.884.173	-	-
+ Ông Nguyễn Việt Anh (3)	-	-	2.798.956.601	-	2.798.956.601	-	-
+ Ông Nguyễn Hồng Thái (4)	-	-	2.035.550.870	-	2.035.550.870	-	-
+ Ông Nguyễn Trương Minh (5)	-	-	254.552.214	9.900	254.542.314	-	-
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn (6)	-	-	509.005.241	9.900	508.995.341	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.225.129.779</b>	-	<b>21.315.408.400</b>	<b>5.397.301.322</b>	<b>19.143.236.857</b>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.8 Các khoản phải trả (tiếp)**

Thông tin chi tiết về các khoản phải trả nhà ủy thác đầu tư như sau:

STT	Nhà ủy thác đầu tư	Hợp đồng ủy thác	Hạn mức	Thực tế
			VND	31/12/2009 VND
(1)	Công ty TNHH tư vấn đào tạo Thành Đạt	Số 01/2008/HĐQLDMĐT ngày 01/12/2008	2.000.000.000	2.000.000.000
		Số 05/VFC/2009/HĐQLDMĐT/ ngày 03/12/2009	2.638.850.000	632.320.872
		Số 07/VFC/2009/HĐQLDMĐT/ ngày 01/12/2009	4.090.000.000	4.090.000.000
		Cộng	8.728.850.000	6.722.320.872
(2)	Ngân hàng TMCP Liên Việt	Số 2009/HĐQLDMĐT/LienVietBank-VFC ngày 28/04/2009	100.000.000.000	6.611.884.173
(3)	Ông Nguyễn Việt Anh	Số 07/VFC/2009/HĐQLDMĐT ngày 03/12/2009	2.902.725.000	2.798.956.601
(4)	Ông Nguyễn Hồng Thái	Số 03/VFC/2009/HĐQLDMĐT ngày 03/12/2009	2.111.100.000	2.035.550.870
(5)	Ông Nguyễn Trường Minh	Số 04/VFC/2009/HĐQLDMĐT ngày 03/12/2009	263.975.000	254.542.314
(6)	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Số 02/VFC/2009/HĐQLDMĐT ngày 03/12/2009	527.850.000	508.995.341
<b>Tổng cộng</b>				<b>18.932.250.171</b>

**4.9 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

CHỈ TIÊU	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND
<b>I - Nguồn vốn</b>	<b>25.081.495.505</b>	-	<b>25.081.495.505</b>
- Vốn kinh doanh	25.000.000.000	-	25.000.000.000
- Lãi trong năm	81.495.505	-	81.495.505
<b>II - Quỹ</b>	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.081.495.505</b>	-	<b>25.081.495.505</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.9 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

*b) Tình hình thực hiện góp vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh*

	Theo cam kết		Tại ngày 31/12/2009		
	Cổ phần đăng ký	Tỷ lệ sở hữu	Tổng Vốn	điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu
	CP	%	CP	VND	%
<b>Cổ đông sáng lập</b>					
Ông Nguyễn Hà Trung	800.000	32,0%	800.000	8.000.000.000	32,0%
Ông Phạm Sĩ Hải	450.000	18,0%	450.000	4.500.000.000	18,0%
Ông Lê Thành Công	300.000	12,0%	300.000	3.000.000.000	12,0%
Bà Nguyễn Thị Hào	250.000	10,0%	250.000	2.500.000.000	10,0%
Bà Lưu Thị Việt Hồng	225.000	9,0%	225.000	2.250.000.000	9,0%
Công ty Cổ phần Nhất Vinh	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Bà Phạm Thu Trang	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
Bà Nguyễn Hương Lan	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>2.500.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu hoạt động kinh doanh**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	26.982.095	-
<b>Cộng</b>	<b>26.982.095</b>	<b>-</b>

**5.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	1.641.840.000
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền cho vay	2.278.478.126	1.918.701.160
Lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	-	661.678
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	444.215.540
<b>Cộng</b>	<b>2.278.478.126</b>	<b>4.005.418.378</b>

**5.3 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	2.194.264.935
Phí giao dịch ngân hàng	-	4.030.091
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.198.295.026</b>

**5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lương nhân viên	954.665.633	918.522.145
Chi phí thuê văn phòng	460.725.181	396.043.164
Chi phí khấu hao TSCĐ	229.491.768	154.544.710
Chi phí vận chuyển	132.928.350	55.827.000
Chi phí đào tạo cho nhân viên	16.339.545	43.450.000
Chi phí vật liệu, dụng cụ	118.150.094	32.564.942
Chi phí tiếp khách	30.743.581	25.469.200
Chi phí thuê dịch vụ bên ngoài	113.483.193	17.071.264
Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	77.325.175	14.175.450
Chi phí điện thoại, liên lạc	23.143.421	11.677.616
Thuế, phí và lệ phí	10.109.238	-
Chi phí khác	78.813.424	88.233.429
<b>Cộng</b>	<b>2.245.918.603</b>	<b>1.757.578.920</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Các chỉ tiêu đánh giá**

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2008
	%	%
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản	1,70	3,17
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	49,51	69,71
<b>2. Tỷ suất sinh lợi</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	1,55	-
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn góp	0,17	0,16
<b>3. Tình hình tài chính</b>		
- Tổng nợ phải trả/ Tổng tài sản	43,29	11,41
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn	9.838,22	1.552,93
- Tài sản cố định/ Vốn chủ sở hữu	3,00	3,58

**6.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY.



Phạm Sĩ Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010

Nguyễn Hà Trung  
Kế toán trưởng